

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



TRẦN TUYẾT TRINH

**PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT
TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI
THEO LUẬT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 0107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Duy Phương**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Những đóng góp mới của luận văn	4
7. Kết cấu của luận văn	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI.....	4
1.1. Khái quát giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại	4
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm tranh chấp kinh doanh thương mại	4
1.1.2. Khái niệm và các nguyên tắc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại	5
1.1.3. Các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại	5
1.2. Khái quát về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại.....	6
1.2.1. Khái niệm hòa giải tranh chấp kinh doanh thương mại	6
1.2.2. Phân loại các hình thức hoà giải	7
1.3. Khái quát về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.....	7
1.3.1. Khái niệm hòa giải tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.....	7
1.3.2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về hòa giải gắn với Tòa án và bài học cho Việt Nam.....	8
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI THEO LUẬT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN	10
2.1. Thực trạng pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án	10
2.1.1. Những quy định chung về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án	10
2.1.2. Những quy định về Hòa giải viên trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án	12
2.1.3. Trình tự, thủ tục giai đoạn hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án	14
2.1.4. Trình tự, thủ tục giai đoạn công nhận kết quả hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.....	16
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.....	18

2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.....	18
2.2.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.....	19
2.2.3. Những vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.....	20
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI THEO LUẬT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN.....	21
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.....	21
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.....	21
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.....	22
KẾT LUẬN	24

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, Việt Nam đã tích cực và chủ động hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Điều đó đã góp phần thu hút vốn đầu tư nước ngoài, góp phần tạo lợi thế để đất nước phát triển kinh tế, gia tăng năng lực cạnh tranh quốc tế. Tuy nhiên, cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của kinh tế xã hội sẽ làm phát sinh nhiều quan hệ tranh chấp ngày càng diễn ra phổ biến hơn, phong phú hơn. Do đó, các phát sinh tranh chấp dân sự tại hệ thống Tòa án các cấp cũng không ngừng tăng nhanh về số lượng và tính chất vụ việc ngày càng phức tạp, đặc biệt là các tranh chấp kinh doanh thương mại. Kể từ khi Bộ Luật Dân sự năm 2015 và Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 có hiệu lực, thẩm quyền của Tòa án phải thụ lý, giải quyết các tranh chấp liên quan đến kinh doanh thương mại tăng lên nhiều lần so với trước đây. Hệ thống Tòa án luôn trong tình trạng quá tải; Nhiều vụ việc tranh chấp phải xét xử qua nhiều cấp trong nhiều năm; Bản án, Quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật nhưng chậm được thi hành. Trong khi đó, số lượng biên chế chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, cũng như phải tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW *. Vì vậy, việc tìm kiếm các giải pháp hỗ trợ cho ngành Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp vụ việc dân sự nói chung và tranh chấp kinh doanh thương mại nói riêng là một yêu cầu cấp bách về thực tiễn xét xử hiện nay.

Khi đó, hòa giải luôn được coi là phương thức hữu hiệu để giải quyết tranh chấp trong đời sống xã hội bởi những ưu việt mà phương thức này mang lại. Hòa giải có thể giúp các bên giải quyết mâu thuẫn bằng chính ý chí của mình chứ không phải phán quyết của tòa án thông qua phiên tòa xét xử; qua đó, rút ngắn thời gian giải quyết vụ việc, tiết kiệm kinh phí của Nhà nước và các bên, hàn gắn những rạn nứt trong các quan hệ xã hội, góp phần xây dựng khối đoàn kết trong nhân dân. Thông qua việc hòa giải, người tiến hành hòa giải còn có thể giải thích, nâng cao nhận thức pháp luật cho các bên, giúp việc thi hành thuận lợi. Đặc biệt, hòa giải dựa trên nền tảng công tác dân vận là một giải pháp giải quyết tranh chấp hiệu quả, góp phần giải quyết mối quan hệ giữa người dân và các cơ quan chính quyền, đây là kinh nghiệm của nước ta và nhiều nền tư pháp tiến bộ trên thế giới.

Xuất phát từ nhu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống; từ ý nghĩa, tầm quan trọng của hoà giải tại Toà án; thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng về đa dạng hoá các phương thức giải quyết tranh chấp dân sự thông qua việc xây dựng cơ chế pháp lý mới về hoà giải tại Toà án; thực hiện Kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương; học tập kinh nghiệm của một số quốc gia đã triển khai thành công mô hình này, việc ban hành Luật HGĐTTTA là hết sức cần thiết. Ngày 16/6/2020, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam Khoá XIV đã thông qua Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án số 58/2020/QH13 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021. Sau khi Luật này

* Nghị quyết số 39/NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

có hiệu lực thi hành, các Tòa án nhân dân đã triển khai tổ chức thực hiện và bước đầu thu được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, việc triển khai thi hành Luật còn gặp những khó khăn, vướng mắc và chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác hoà giải tại Tòa án. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên đây là mô hình mới trong hệ thống tổ tụng tại Việt Nam nên thực tiễn triển khai và thi hành sẽ gặp không ít khó khăn, vướng mắc cần được hướng dẫn. Từ lý do đó, tác giả đã chọn đề tài “*Pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án*” làm luận văn của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Các công trình nghiên cứu, bài viết khoa học liên quan đến nội dung hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật HGĐTTA, cụ thể là:

Bài viết của PGS.TS. Nguyễn Hòa Bình (2018), *Đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong quá trình giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 13; Bài viết của Tống Anh Hào (2019), *Kinh nghiệm đối với việc thực hiện thí điểm hòa giải, đối thoại tại Tòa án và một số kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 13; Bài viết của Huỳnh Thị Nam Hải (2020), *Bình luận một số quy định về hòa giải tại Tòa án trong Dự thảo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2; Bài viết của tác giả Nguyễn Vinh Hưng (2020), *Nguyên tắc tiến hành hòa giải vụ việc dân sự trong luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 21; Bài viết của tác giả Tạ Đình Tuyên (2021), *Thực tiễn thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020 – một số kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 10; Bài viết của Lê Phúc Hỷ (2021), *Những đổi mới tích cực của Tòa án nhân dân trong nhiệm kỳ công tác năm 2016-2020*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1; Bài viết của PGS. TS. Nguyễn Hòa Bình (2022), *Một số nội dung cải cách tư pháp trong thời gian tới*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 6.

Các kết quả nghiên cứu đã nêu ở trên chỉ tiếp cận dưới góc độ tổng quát chung về Luật HGĐTTA, một số vấn đề thực tiễn thi hành Luật. Cho đến nay, chưa có công trình, bài viết nghiên cứu nào đề cập trực tiếp đến vấn đề hòa giải các tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTA sau khi Luật này có hiệu lực.

Vì vậy, đề tài luận văn về cơ bản là mới, chưa được nghiên cứu tổng thể, toàn diện. Đề tài được thực hiện trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc và kế thừa các kết quả nghiên cứu liên quan. Qua đề tài, tác giả sẽ tiến hành nghiên cứu một cách tổng thể cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng phương thức hòa giải trong giải quyết các tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTA.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài nhằm đưa ra các định hướng góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, đề tài phải thực hiện được các nhiệm vụ sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu một số vấn đề lý luận pháp luật về hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Thứ hai, đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Thứ ba, nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; từ đó tìm ra những vướng mắc, bất cập trong việc áp dụng pháp luật về hòa giải tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Thứ nhất, các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại thông qua phương thức hòa giải theo quy định tại Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Thứ hai, nghiên cứu về thực tiễn áp dụng pháp luật về hòa giải tranh chấp KDTM theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Ngoài ra luận văn còn đi nghiên cứu các báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, các tham luận liên quan, các thống kê hiệu quả áp dụng pháp luật trong giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại kể từ khi Luật HGĐTTTA có hiệu lực thi hành.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Giới hạn về nội dung nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp KDTM bằng phương thức hòa giải được quy định trong Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của Luật HGĐTTTA trong giải quyết các tranh chấp KDTM từ khi Luật này có hiệu lực thi hành.

Phạm vi về địa bàn nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng áp dụng pháp luật về hòa giải tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTTA trong cả nước.

Phạm vi về thời gian nghiên cứu: Từ năm 2019 - 2022.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về Nhà nước và pháp luật.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn chủ yếu sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp tổng hợp: được sử dụng nhằm làm sáng tỏ các cơ sở lý luận về tranh chấp KDTM và giải quyết tranh chấp KDTM bằng phương thức hòa giải tại Tòa án. Trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá rút ra những kết luận khoa học cần thiết cho đề tài.

Phương pháp phân tích: Phân tích các quy định pháp luật, văn bản hướng dẫn, nghị định, báo cáo đánh giá về giải quyết tranh chấp KDTM tại Tòa án theo quy định trong Luật HGĐTTTA.

Phương pháp nghiên cứu điển hình: Sử dụng nghiên cứu một số quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp KDTM áp dụng theo quy định của Luật HGĐTTTA.

Phương pháp so sánh: Sử dụng để so sánh tính hiệu quả áp dụng pháp luật trong giải quyết các tranh chấp KDTM bằng phương thức hòa giải so với các phương thức khác.

6. Những đóng góp mới của luận văn

6.1. Ý nghĩa khoa học của luận văn

Luận văn góp phần vào việc xây dựng một số cơ sở khoa học trong quá trình hoàn thiện pháp luật và đảm bảo hiệu quả thực thi pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp KDTM theo quy định của Luật HGĐTTTA.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Luận văn đề xuất những giải pháp góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp KDTM theo quy định của Luật HGĐTTTA.

7. Kết cấu của luận văn

Kết cấu luận văn gồm có các phần sau: Phần mở đầu, Phần nội dung, Kết luận và Tài liệu tham khảo. Phần nội dung gồm ba chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại.

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Chương 3. Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI

1.1. Khái quát giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm tranh chấp kinh doanh thương mại

1.1.1.1. Khái niệm tranh chấp kinh doanh thương mại

Hiện nay, vẫn chưa có một khái niệm thống nhất hay văn bản pháp lý nào quy định về tranh chấp kinh doanh thương mại mà nó mới chỉ dừng lại ở vấn đề quan điểm của một số tác giả trên cơ sở tiếp cận nó thông qua luật nội dung và luật tố tụng. Như vậy, có thể định nghĩa tranh chấp kinh doanh thương mại như sau: Tranh chấp kinh doanh thương mại là những mâu thuẫn, bất đồng hay xung

đột về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các chủ thể phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại.

1.1.1.2. Đặc điểm của tranh chấp kinh doanh thương mại

Thứ nhất, chủ thể của tranh chấp kinh doanh thương mại chủ yếu là thương nhân.

Thứ hai, tranh chấp KDTM là những mâu thuẫn (bất đồng gay xung đột) về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ kinh doanh thương mại.

Thứ ba, nội dung của tranh chấp là những mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, tài sản. Mục đích cơ bản của hoạt động kinh doanh là sinh lời và đối tượng đầu tư cũng như cái mà người kinh doanh đạt được sau quá trình đầu tư đều là tài sản.

1.1.2. Khái niệm và các nguyên tắc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại

1.1.2.1. Khái niệm giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại

Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại được hiểu là quá trình phân xử để làm rõ quyền và nghĩa vụ hợp pháp của các bên, buộc bên vi phạm nghĩa vụ phải thực hiện trách nhiệm của mình đối với bên bị vi phạm. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại được thực hiện thông qua hình thức, thủ tục thích hợp nhất nhằm loại bỏ những mâu thuẫn, xung đột, bất đồng về lợi ích kinh tế nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể kinh doanh, bảo vệ trật tự kỷ cương của xã hội.

1.1.2.2. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại

Thứ nhất, là nhanh chóng, thuận lợi, không làm hạn chế, cản trở hoặc làm gián đoạn các hoạt động kinh doanh thương mại và đúng pháp luật.

Thứ hai, là có thể khôi phục và duy trì các quan hệ hợp tác, tín nhiệm giữa các bên kinh doanh.

Thứ ba, là giữ bí mật kinh doanh, uy tín của các bên.

Thứ tư, tôn trọng sự tự do ý chí của các bên.

Cuối cùng là kinh tế ít tốn kém, chi phí thấp nhất.

1.1.3. Các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại

1.1.3.1. Phương thức thương lượng

Thương lượng là phương thức giải quyết tranh chấp xuất hiện sớm nhất và được sử dụng rộng rãi để giải quyết các tranh chấp thông qua việc các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc, tự dàn xếp, tháo gỡ những bất đồng phát sinh để loại bỏ tranh chấp giải quyết các mâu thuẫn. Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng là thể hiện quyền tự do thỏa thuận, tự do định đoạt. Thương lượng là hình thức giải quyết tranh chấp không cần đến vai trò của người thứ ba ngoài các bên tranh chấp. Phương thức này đòi hỏi các bên phải cùng nhau có thiện chí, trung thực. Kết quả của thương lượng thường là những cam kết, thỏa thuận về những giải pháp cụ thể để gỡ bỏ những bất đồng phát sinh trước đó.

1.1.3.2. Giải quyết bằng phương thức hòa giải

Hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại có sự tham gia của bên thứ ba độc lập do hai bên thỏa thuận hay chỉ định, đóng vai trò trung gian nhằm hỗ trợ các bên tìm kiếm tiếng nói chung tìm ra những giải pháp

thích hợp cho việc giải quyết xung đột. So với thương lượng thì phương thức hòa giải có điểm khác là có sự xuất hiện của bên thứ ba với tư cách là người trung gian. Kết quả hòa giải phụ thuộc vào thiện chí của các bên tranh chấp và uy tín, kinh nghiệm, kỹ năng của trung gian hòa giải. Quyết định cuối cùng của việc giải quyết tranh chấp không phải của trung gian hòa giải mà hoàn toàn phụ thuộc các bên tranh chấp.

1.1.3.3. Giải quyết bằng Trọng tài thương mại

Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại là một hình thức giải quyết tranh chấp không thể thiếu trong nền kinh tế thị trường và ngày càng được các nhà kinh doanh ưa chuộng. Đó là hình thức giải quyết tranh chấp thông qua hoạt động của Hội đồng trọng tài hoặc trọng tài viên với tư cách là bên thứ ba độc lập nhằm giải quyết mâu thuẫn tranh chấp bằng việc đưa ra phán quyết có giá trị bắt buộc các bên phải thi hành. Phương thức giải quyết tranh chấp này là có tính linh hoạt, tạo quyền chủ động cho các bên; Tính nhanh chóng, tiết kiệm được thời gian. Trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc phán quyết của trọng tài không được công bố công khai, rộng rãi. Theo nguyên tắc này họ có thể giữ được bí quyết kinh doanh cũng như danh dự, uy tín của mình.

1.1.3.4. Giải quyết bằng Tòa án

Phương thức giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án là hoạt động được tiến hành bởi cơ quan xét xử của Nhà nước nên phán quyết của Tòa án có tính cưỡng chế cao. Do đó, khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng Tòa án thì quyền lợi của người thắng kiện sẽ được đảm bảo nếu bên thua kiện có tài sản để thi hành án. Tuy nhiên, việc lựa chọn phương thức này cũng có những nhược điểm nhất định vì thủ tục tố tụng Tòa án thiếu linh hoạt, rườm rà và tốn nhiều thời gian.

1.2. Khái quát về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại

1.2.1. Khái niệm hòa giải tranh chấp kinh doanh thương mại

Hòa giải tranh chấp kinh doanh thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp với sự giúp đỡ của một bên thứ ba trung lập, các bên tranh chấp tự nguyện thỏa thuận giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng hay xung đột về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các chủ thể phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại, phù hợp với quy định của pháp luật, truyền thống đạo đức xã hội.

Đặc điểm của hình thức giải quyết tranh chấp bằng hoà giải:

Thứ nhất, việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng hoà giải đã có sự hiện diện của bên thứ ba (do các bên tranh chấp lựa chọn) làm trung gian để trợ giúp các bên tìm kiếm giải pháp tối ưu nhằm loại trừ tranh chấp.

Thứ hai, quá trình hoà giải các bên tranh chấp không chịu sự chi phối bởi các quy định có tính khuôn mẫu, bắt buộc của pháp luật về thủ tục hoà giải.

Thứ ba, kết quả hoà giải thành được thực thi cũng hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện của các bên tranh chấp mà không có bất kì cơ chế pháp lý nào bảo đảm thi hành những cam kết của các bên trong quá trình hoà giải.

1.2.2. Phân loại các hình thức hoà giải

Hòa giải trong giải quyết tranh chấp KDTM bao gồm *hòa giải trong tố tụng* và *hòa giải ngoài tố tụng*.

1.2.2.1. Hòa giải trong tố tụng

a) Hòa giải trong tố tụng Tòa án

Hòa giải trong tố tụng Tòa án được quy định tại BLTTDS năm 2015. Hòa giải là một thủ tục bắt buộc trong quá trình giải quyết vụ việc. Là một giai đoạn giải quyết tranh chấp trong thủ tục tố tụng có tính chất bắt buộc do Tòa án nhân dân có thẩm quyền thực hiện, chỉ được tiến hành trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

b) Hòa giải trong tố tụng Trọng tài

Hòa giải trong tố tụng trọng tài được điều chỉnh bởi Luật Trọng tài thương mại năm 2010, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2011. Trong quá trình tố tụng trọng tài, các bên có quyền tự do thương lượng, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp hoặc yêu cầu Hội đồng trọng tài hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp¹.

1.2.2.2. Hòa giải ngoài tố tụng

a) Hòa giải ngoài Tòa án

Hòa giải ngoài tòa án đối với các tranh chấp kinh doanh thương mại được áp dụng theo Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại. Về bản chất, các thủ tục hòa giải đều do Hòa giải viên thực hiện và là thủ tục hòa giải ngoài tố tụng. Hòa giải thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại do các bên thỏa thuận và được hòa giải viên thương mại làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp².

b) Hòa giải tại Tòa án

Hòa giải tại Tòa án được áp dụng theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020. Mặc dù có tên gọi là thủ tục hòa giải tại Tòa án, nhưng bản chất, thủ tục hòa giải này không phải là thủ tục hòa giải theo thủ tục tố tụng dân sự, mà cũng là thủ tục hòa giải ngoài tố tụng. Khi các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết tranh chấp, yêu cầu dân sự thì Tòa án sẽ công nhận kết quả hòa giải theo Luật HGĐTTTA.

1.3. Khái quát về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

1.3.1. Khái niệm hòa giải tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Tại khoản 2 Điều 2 Luật HGĐTTTA năm 2020 quy định “*Hòa giải tại Tòa án là hoạt động hòa giải do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Luật này*”.

Như vậy có thể hiểu là hòa giải tại Tòa án là hoạt động các Hòa giải viên (do Tòa án có thẩm quyền tuyển chọn bổ nhiệm từ những chuyên gia, nhà chuyên môn khác, người có uy tín trong cộng đồng dân cư đáp ứng các tiêu chuẩn quy

¹ Xem Điều 9, Luật TTTM năm 2010.

² Xem khoản 1 Điều 3 Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại.

định tại khoản 1 Điều 10 Luật HGĐTTA năm 2020) tiến hành hòa giải các vụ việc dân sự mà người khởi kiện đã nộp đơn đến Tòa án nhưng Tòa án chưa thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng.

Khi áp dụng phương thức hòa giải tại Tòa án được thực hiện trước thi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại. Nếu các bên tranh chấp hòa giải thành theo Luật HGĐTTA thì Tòa án không phải thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng được quy định trong BLTTDS năm 2015.

1.3.2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về hòa giải gắn với Tòa án và bài học cho Việt Nam

1.3.2.1. Ấn Độ

Hòa giải được Ấn Độ ghi nhận trong Luật Tranh chấp Công nghiệp năm 1947 và tiếp tục được áp dụng trong Luật Tòa án Gia đình năm 1984. Năm 1999, Ấn Độ ban hành Luật sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, quy định việc chuyển các vụ việc Tòa án đang thụ lý giải quyết sang giải quyết tranh chấp lựa chọn, bao gồm cả hòa giải. Trung tâm hòa giải và thương lượng gắn với Tòa án được thành lập ở nhiều nơi tại Ấn Độ và Tòa án bắt đầu chuyển nhiều vụ việc đến các Trung tâm này. Tháng 8/2019, Ấn Độ đã thông qua luật Sửa đổi năm 2019 của Luật Trọng tài và Hòa giải, trong đó, bao gồm một số quy định chính về phạm vi và cách áp dụng của các quy định về hòa giải, bổ nhiệm HGV, các nguyên tắc của hòa giải, về thủ tục hòa giải.

1.3.2.2. Hàn Quốc

Tại Hàn Quốc chế định hòa giải không được quy định trong Luật Tố tụng dân sự mà được quy định trong Luật Hòa giải tư pháp tranh chấp dân sự thi hành từ ngày 01-9-1990 (Được sửa đổi bởi luật khác, hiện nay được thực hiện theo Luật số 13952 ngày 03-02-2016, có hiệu lực từ 04-02-2017) và Luật Tố tụng hôn nhân và gia đình được ban hành ngày 31-12-1990. Luật Hòa giải tư pháp tranh chấp dân sự quy định rõ mục đích của Luật này là giải quyết tranh chấp dân sự theo một thủ tục đơn giản dựa trên sự nhượng bộ lẫn nhau, nhận thức chung và bối cảnh thực tế giữa các đương sự. Tất cả các vụ việc tranh chấp có liên quan đến dân sự như vụ việc có giá trị tranh chấp nhỏ, vụ việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng một Thẩm phán và vụ việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng ba Thẩm phán đều có thể tiến hành hòa giải.

1.3.2.3. Tại Đức

Ngày 21-7-2012, Đức thông qua Luật Hòa giải (Có hiệu lực từ ngày 26-7-2012, được sửa đổi ngày 31-8-2015) quy định về khái niệm hòa giải, HGV; thủ tục, trách nhiệm của HGV; trách nhiệm thông báo công khai, những hành vi bị hạn chế đối với HGV; nghĩa vụ giữ bí mật thông tin đào tạo, bồi dưỡng HGV; hỗ trợ tài chính cho hoạt động hòa giải. Số lượng vụ án dân sự hòa giải tại Tòa khoảng 25.000 vụ/năm (chưa tới 1% số án dân sự mà Tòa án Đức thụ lý). Tuy nhiên, tỉ lệ hòa giải thành khá cao, chiếm khoảng 50% số việc hòa giải. HGV tự chịu trách nhiệm bảo đảm thường xuyên đào tạo bồi dưỡng để có đủ kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn để giúp các bên tiến hành hòa giải một cách chuyên môn nhất. Nội dung đào tạo bao gồm: Kiến thức cơ bản về hòa giải, quá trình hòa giải

và điều kiện chung của việc hòa giải; kỹ năng hòa giải; hiểu rõ về các loại hình tranh chấp kiến thức về luật hòa giải, vai trò của pháp luật trong hòa giải và bài tập thực tế, thực nghiệm hòa giải và giám sát. Những người đã tốt nghiệp khóa đào tạo HGV phù hợp với Điều 6 của quy định này sẽ được coi là HGV có chứng chỉ.

Tóm lại, qua nghiên cứu cho thấy, mô hình về hòa giải gắn với Tòa án hiện có nhiều quốc gia trên thế giới³ đang thực hiện hiệu quả. Điểm chung của các quy định về hòa giải tại Tòa án là: *Một là*, các mô hình đều gắn kết với Tòa án, có quy định về vai trò, trách nhiệm của Tòa án, có sự tham gia của các Thẩm phán; *Hai là*, đề cao giải quyết tranh chấp bằng hòa giải, có chính sách tài chính hỗ trợ, khuyến khích lựa chọn hòa giải để giải quyết tranh chấp; việc xét xử theo thủ tục thông thường là lựa chọn sau cùng; *Bà là*, có sử dụng nguồn nhân lực Tòa án là các Thẩm phán, Công tố viên đã nghỉ hưu là Hòa giải viên; *Bốn là*, thành lập các Trung tâm Hòa giải tại Tòa án hoặc bên cạnh Tòa án; *Năm là*, thỏa thuận hòa giải có hiệu lực thi hành như bản án, quyết định của Tòa án.

1.3.2.4. Bài học kinh nghiệm của Việt Nam

Tại Việt Nam, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Đây là một chính sách được thể chế hóa nhằm thu hút, huy động nguồn nhân lực có kiến thức và kinh nghiệm trong xã hội tham gia phối hợp cùng Tòa án tiến hành hòa giải để giải quyết các tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại. Hòa giải là hoạt động mang tính xã hội, tính nhân văn cao, tác động tích cực đến sự ổn định xã hội.

Thuật ngữ “Hòa giải gắn với Tòa án” ở một số nước trên thế giới được pháp luật Việt Nam cụ thể hóa thành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020. Hòa giải tại Tòa án ở Việt Nam được hiểu chung nhất là quá trình hòa giải mà trong đó việc hòa giải được Tòa án ủy thác cho Trung tâm hòa giải được thành lập hoặc đóng bên cạnh Tòa án nhằm thực hiện chức năng sàng lọc những sự kiện không phức tạp, có giá trị nhỏ mà không cần vận hành hệ thống tư pháp để xử lý. Cụ thể, Tòa án hợp tác cùng với Trung tâm hòa giải dựa trên văn bản thỏa thuận, trong đó Tòa án chuyển giao một số việc thuộc thẩm quyền của Tòa, hoặc yêu cầu hòa giải của Thẩm phán cho Trung tâm hòa giải và Tòa án chỉ tiến hành xét xử trong trường hợp không hòa giải thành. Các Trung tâm hòa giải có liên kết với hệ thống Tòa án nhưng không phải là bộ phận của Tòa án, thường là thực thể pháp lý độc lập, có sự độc lập đối với Tòa án. Mô hình hòa giải này có một số lợi ích như giảm tải công việc cho Tòa án, giảm tính cứng nhắc, thiếu linh hoạt của tổ tụng dân sự, thúc đẩy thay đổi thủ tục tố tụng Tòa án và văn hóa pháp lý truyền thống, thúc đẩy cải cách Tòa án. Sự tồn tại của mô hình này phụ thuộc rất nhiều vào khung pháp luật, sự ủng hộ của ngành Tòa án và sự tin tưởng trong nhân dân.

³ Ngoài các nước Ấn Độ, Hàn Quốc, Đức, còn có các nước khác như: Nhật Bản, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Thái Lan, Xinh-ga-po, Ma-lai-xi-a, Ca-na-đa, Hà Lan, Pháp....

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI THEO LUẬT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN

2.1. Thực trạng pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

2.1.1. Những quy định chung về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

2.1.1.1. Phạm vi điều chỉnh

Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 58/2020/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 16-6-2020, tại kỳ họp thứ 9, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-10-2021. Luật HGĐTTA có 4 Chương, 42 Điều. Luật này quy định nguyên tắc, chính sách của Nhà nước về hòa giải tại Tòa án; quyền, nghĩa vụ của Hòa giải viên tại Tòa án, các bên tham gia hòa giải tại Tòa án; trách nhiệm của Tòa án đối với hoạt động hòa giải; trình tự thủ tục hòa giải, công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án.

Như vậy, Luật HGĐTTA được áp dụng dựa vào tính chất vụ việc và thời điểm thực hiện hòa giải. Các tranh chấp kinh doanh thương mại được xác định thuộc đối tượng hòa giải theo Luật HGĐTTA. Thời điểm thực hiện hòa giải là sau khi có đơn khởi kiện, nhưng trước khi Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án không áp dụng (không điều chỉnh) các hoạt động hòa giải đã được luật khác quy định.

Đến nay, các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật đã được ban hành tương đối đầy đủ bao gồm:

- Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC ngày 16-11-2020 của Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết trách nhiệm của Tòa án nhân dân trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Thông tư số 03/2020/TT-TANDTC ngày 16-11-2020 của Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết về trình tự nhận, xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu tại Tòa án và chỉ định Hòa giải viên;

- Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16-11-2020 của Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên;

- Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 13-11-2020 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

- Nghị định số 16/2021/NĐ-CP ngày 03-3-2021 của Chính phủ quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp, việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thù lao Hòa giải viên tại Tòa án;

- Giải đáp số 01/2021GD-TANDTC ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ về hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Công văn số 235/TANDTC-PC ngày 31-12-2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc một số biểu mẫu về quyết định công nhận, không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành;

- Chỉ thị số 02/2022/CT-CA ngày 14-3-2022 của Tòa án nhân dân tối cao về việc tăng cường công tác hòa giải, đối thoại tại tòa án.

Nhìn chung, các văn bản quy định chi tiết nêu trên đã tạo hành lang pháp lý quan trọng để Luật HGĐTTTA đi vào cuộc sống, gần hơn đến với người dân, góp phần tạo nên một diện mạo mới với tinh thần giải quyết xung đột bằng phương thức hoà bình hơn, tốt đẹp hơn.

2.1.1.2. Những trường hợp không tiến hành hòa giải tại Tòa án

Điều 19, Luật HGĐTTTA quy định những trường hợp tranh chấp KDTM sau đây không hòa giải tại Tòa án:

a) Tranh chấp về yêu cầu đòi bồi thường vì lý do gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước

b) Tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội

c) Người khởi kiện, người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được mời tham gia hòa giải, đối thoại hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan hoặc không thể tham gia hòa giải, đối thoại được vì có lý do chính đáng

d) Một trong các bên đề nghị không tiến hành hòa giải tại Tòa án

đ) Một trong các bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của BLTTDS

2.1.1.3. Nguyên tắc hòa giải tại Tòa án

Nguyên tắc thứ nhất, Các bên tham gia hòa giải phải tự nguyện hòa giải

Nguyên tắc thứ hai, tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận, thống nhất của các bên; không được ép buộc các bên thỏa thuận, thống nhất trái với ý chí của họ.

Nguyên tắc thứ ba, bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia hòa giải

Nguyên tắc thứ tư, nội dung thỏa thuận hòa giải không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác

Nguyên tắc thứ năm, các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải phải được giữ bí mật theo quy định tại Điều 4 của Luật này.

Nguyên tắc thứ sáu, phương thức hòa giải được tiến hành linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm của mỗi loại vụ việc.

Nguyên tắc thứ bảy, Hòa giải viên tiến hành hòa giải độc lập và tuân theo pháp luật.

Nguyên tắc thứ tám, tiếng nói và chữ viết dùng trong hòa giải

Nguyên tắc thứ chín, bảo đảm bình đẳng giới, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em trong hòa giải

2.1.1.4. Quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án

-Các bên có các quyền sau đây:

+ Đồng ý hoặc từ chối tham gia hòa giải hoặc chấm dứt hòa giải.

+ Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 25 của Luật HGĐTTTA tham gia hòa giải.

+ Lựa chọn Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên của Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc tranh chấp; trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của

TAND cấp huyện thì có thể lựa chọn Hòa giải viên của TAND cấp huyện khác trên cùng phạm vi địa giới hành chính với TAND cấp tỉnh.

+ Đề nghị thay đổi Hòa giải viên theo quy định của Luật HGĐTTTA.

+ Tự bỏ trí hoặc đề nghị Hòa giải viên bỏ trí phiên dịch trong trường hợp người tham gia hòa giải là người không biết tiếng Việt, người khuyết tật nghe, nói hoặc khuyết tật nhìn.

+ Yêu cầu Hòa giải viên, người tham gia hòa giải, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, Thẩm phán tham gia phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải giữ bí mật thông tin do mình cung cấp.

+ Bày tỏ ý chí, đề xuất phương thức, giải pháp giải quyết tranh chấp, yêu cầu, khiếu kiện; thống nhất về nội dung hòa giải.

+ Yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

+ Yêu cầu bên có nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã hòa giải thành.

+ Đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại quyết định công nhận hòa giải thành theo quy định của Luật HGĐTTTA.

- Nghĩa vụ của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án:

+ Các bên phải tuân thủ pháp luật. Nghĩa là trong quá trình hòa giải, các bên tham gia hòa giải được tự do, tự nguyện thực hiện những công việc cần thiết cho hòa giải nhưng không được trái pháp luật.

+ Tham gia hòa giải với tinh thần thiện chí, hợp tác để thúc đẩy quá trình hòa giải đạt kết quả tích cực; trình bày chính xác tình tiết, nội dung của vụ việc, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc theo yêu cầu của Hòa giải viên;

+ Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin, tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp trong quá trình hòa giải; nếu thông tin, tài liệu, chứng cứ cung cấp là giả mạo thì kết quả hòa giải bị vô hiệu; trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự; nếu gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

+ Tôn trọng Hòa giải viên và các bên có liên quan; thực hiện các yêu cầu của Hòa giải viên theo quy định của Luật này;

+ Chấp hành quy chế hòa giải tại Tòa án.

+ Thực hiện các nội dung đã hòa giải thành.

2.1.2. Những quy định về Hòa giải viên trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

2.1.2.1. Điều kiện bổ nhiệm Hòa giải viên⁴

a) Điều kiện cần:

Người muốn được bổ nhiệm hòa giải viên phải là:

- Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam;

- Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của BLDS;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật.

b) Điều kiện đủ:

⁴ Điều 10, Luật HGĐTTTA.

Ngoài những điều kiện cần nói trên, người muốn được bổ nhiệm làm Hòa giải viên còn phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Phải là người có quá trình công tác hoặc làm một trong những công việc sau đây: Đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên Viện kiểm sát, Chấp hành viên Thi hành án dân sự, Thanh tra viên; Luật sư, chuyên gia, nhà chuyên môn khác có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác; Người có hiểu biết về phong tục tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư;

- Có kinh nghiệm, kỹ năng hòa giải.

- Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải do cơ sở đào tạo của TANDTC cấp, trừ người đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án ngạch Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp, Thư ký Tòa án ngạch Thư ký viên chính, Thư ký viên cao cấp, Kiểm sát viên, Chấp hành viên thi hành án dân sự, Thanh tra viên.

c) Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được bổ nhiệm làm Hòa giải viên:

- Không đáp ứng điều kiện;

- Đang là cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng; sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân, công nhân công an.

2.1.2.2. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Hòa giải viên

a) Bổ nhiệm Hòa giải viên⁵

Quy trình bổ nhiệm Hòa giải viên được quy định chi tiết tại Điều 6, Điều 7, của Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC.

b) Bổ nhiệm lại Hòa giải viên⁶

Quy trình bổ nhiệm lại Hòa giải viên được hướng dẫn chi tiết tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC.

c) Miễn nhiệm Hòa giải viên⁷

Quy trình miễn nhiệm Hòa giải viên được quy định chi tiết tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC.

2.1.2.3. Quyền, nghĩa vụ Hòa giải viên theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

- Hòa giải viên có các quyền sau đây:

+ Tiến hành hòa giải vụ việc dân sự theo quy định của Luật này;

+ Yêu cầu các bên tham gia hòa giải cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung tranh chấp; các thông tin, tài liệu liên quan khác cần thiết cho việc hòa giải;

+ Xem xét hiện trạng tài sản liên quan đến tranh chấp trước khi lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải theo yêu cầu của một trong các bên tham gia hòa giải;

+ Mời người có uy tín tham gia hòa giải, tham khảo ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn về lĩnh vực tranh chấp;

+ Không phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin, tài liệu, chứng cứ do các bên tham gia hòa giải, đối thoại cung cấp;

⁵ Điều 11, Luật HGDĐTĐ.

⁶ Điều 12, Luật HGDĐTĐ.

⁷ Điều 13, Luật HGDĐTĐ.

+ Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc dân sự, trừ trường hợp các bên tham gia hòa giải đồng ý bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật;

+ Từ chối việc lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải của các bên tham gia hòa giải nếu có đủ căn cứ xác định thỏa thuận, thống nhất đó vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội, trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

+ Được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải;

+ Được cấp thẻ Hòa giải viên;

+ Được hưởng thù lao theo quy định của Chính phủ;

+ Được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

b) Hòa giải viên có các nghĩa vụ sau đây:

+ Tiến hành hòa giải, đối thoại theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật này;

+ Tuân thủ pháp luật, độc lập, vô tư, khách quan;

+ Bảo đảm bí mật thông tin theo quy định của Luật này;

+ Không ép buộc các bên hòa giải trái với ý chí của họ;

+ Không được nhận tiền, lợi ích từ các bên tham gia hòa giải;

+ Từ chối tiến hành hòa giải, đối thoại nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 18 của Luật này;

+ Tôn trọng sự thỏa thuận, thống nhất của các bên, nếu nội dung thỏa thuận, thống nhất đó không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

+ Từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người tiến hành tố tụng tham gia tố tụng đối với vụ việc mà mình đã tiến hành hòa giải, đối thoại nhưng không thành và được chuyển cho Tòa án giải quyết theo trình tự tố tụng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.1.2.4. Một số yêu cầu và kỹ năng cần thiết đối với Hòa giải viên

Thứ nhất, Hiểu biết về pháp luật, kiến thức xã hội, đạo đức, uy tín

Thứ hai, Kỹ năng giao tiếp như là: Kỹ năng lắng nghe; Kỹ năng đặt câu hỏi; Kỹ năng trình bày giải thích; Kỹ năng thuyết phục.

Thứ ba, Kỹ năng điều hành phiên hòa giải

Thứ tư, Kiên trì nhẫn nại

2.1.3. Trình tự, thủ tục giai đoạn hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

2.1.3.1. Nhận và xử lý đơn khởi kiện tại Tòa án

a) Nhận đơn khởi kiện

Tương tự như trong BLTTDS, trình tự tố tụng được bắt đầu tiến hành khi có đơn khởi kiện của bên đi kiện. Luật HGĐTTTA quy định hoạt động hòa giải được bắt đầu tiến hành khi bên đi kiện nộp đơn khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án có thẩm quyền và lựa chọn hòa giải theo quy định tại Điều 16 của Luật HGĐTTTA.

Người khởi kiện gửi đơn khởi kiện giải quyết vụ việc tranh chấp KDTM kèm theo tài liệu, chứng cứ đến Tòa án có thẩm quyền theo quy định tại Điều 190 của BLTTDS, cụ thể bằng một trong các phương thức sau: nộp trực tiếp tại Tòa án; gửi đến Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính; gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

Thủ tục nhận đơn của Tòa án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật HGĐTTTA: Tòa án nhận đơn, vào sổ nhận đơn, xác nhận việc nhận đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 191 của BLTTDS.

Quy trình nhận đơn cũng được hướng dẫn cụ thể tại Chỉ thị số 02/2022/CT-CA

b) Xử lý đơn khởi kiện

Tại Thông tư số 03/2020/TT-TANDTC và Chỉ thị số 02/2022/CT-CA cũng quy định chi tiết về xử lý đơn khởi kiện, quy định: Thời gian nhận, giải quyết đơn khởi kiện theo quy định của Luật HGĐTTTA không tính vào thời hiệu khởi kiện, thời hạn xử lý đơn theo quy định của BLTTDS nếu vụ việc được giải quyết theo pháp luật về tố tụng.

2.1.3.2. Chỉ định Hòa giải viên, từ chối hòa giải, thay đổi Hòa giải viên

a) Chỉ định Hòa giải viên⁸

Trường hợp được hòa giải tại Tòa án thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, Thẩm phán phụ trách hòa giải thực hiện việc chỉ định Hòa giải viên.

b) Từ chối hòa giải viên⁹

Sau khi được chỉ định, Hòa giải viên phải từ chối hòa giải khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc hòa giải;
- Có căn cứ rõ ràng cho rằng Hòa giải viên có thể không vô tư, khách quan trong khi thực hiện nhiệm vụ;
- Không thể tiến hành hòa giải, đối thoại vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Hòa giải viên từ chối hòa giải phải thông báo lý do cho các bên, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc và Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc (nếu Hòa giải viên làm việc ở TAND huyện khác).

c) Thay đổi Hòa giải viên¹⁰

- Hòa giải viên bị thay đổi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - + Các bên tham gia hòa giải thay đổi Hòa giải viên đã được chỉ định và thỏa thuận lựa chọn Hòa giải viên khác;
 - + Bị miễn nhiệm hoặc bị buộc thôi làm Hòa giải viên theo quy định của Luật HGĐTTTA.

- Trường hợp các bên tham gia hòa giải đề nghị thay đổi Hòa giải viên phải thông báo lý do cho Hòa giải viên, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc và Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc (nếu Hòa giải viên làm việc ở TAND huyện khác).

d) Chỉ định Hòa giải viên khác¹¹

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Hòa giải viên từ chối hòa giải, hoặc bị đề nghị thay đổi mà các bên không thỏa thuận lựa chọn Hòa giải viên thì Thẩm phán phụ trách hòa giải chỉ định Hòa giải viên khác để tiến hành hòa giải và thông báo cho Hòa giải viên, các bên biết.

⁸ Điều 18, Luật HGĐTTTA.

⁹ Điều 18, Luật HGĐTTTA.

¹⁰ Điều 18, Luật HGĐTTTA.

¹¹ Điều 18, Luật HGĐTTTA.

- Trường hợp các bên lựa chọn Hòa giải viên khác thì Thẩm phán phụ trách hòa giải chỉ định Hòa giải viên theo sự lựa chọn của các bên và thông báo cho Hòa giải viên, các bên biết. Trường hợp Thẩm phán chỉ định Hòa giải viên của TAND cấp huyện khác thì phải thông báo cho Tòa án đó biết.

2.1.3.3. Trình tự tiến hành phiên hòa giải tại Tòa án

a) Thời hạn hòa giải tại Tòa án

Thời hạn hòa giải, đối thoại là không quá 20 ngày kể từ ngày Hòa giải viên được chỉ định; đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể được kéo dài nhưng không quá 30 ngày. Trường hợp các bên tham gia hòa giải thống nhất kéo dài thì thời hạn hòa giải không quá 02 tháng.

b) Chuẩn bị hòa giải tại Tòa án

Công tác chuẩn bị hòa giải của Hòa giải viên được quy định tại Điều 21, Luật HGĐTTA.

c) Phương thức hòa giải tại Tòa án: Quy định tại Điều 22, Luật HGĐTTA.

d) Nhiệm vụ của Hòa giải viên trong quá trình tiến hành hòa giải tại Tòa án: Quy định tại Điều 23, Luật HGĐTTA.

đ) Tiến hành phiên hòa giải tại Tòa án: Quy định tại Điều 24, Luật HGĐTTA.

2.1.4. Trình tự, thủ tục giai đoạn công nhận kết quả hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

2.1.4.1. Ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án¹²

- Điều kiện, địa điểm tiến hành phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án

- Hoãn phiên họp, mở lại phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án
- Trình tự phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án

2.1.4.2. Thủ tục công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án

- Điều kiện Tòa án xem xét ra quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án

- Chuẩn bị ra quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án

- Ra quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành

2.1.4.3. Thủ tục giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành

Từ Điều 36 đến Điều 39 của Luật HGĐTTA quy định thủ tục xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án

2.1.4.4. Chấm dứt hòa giải tại Tòa án

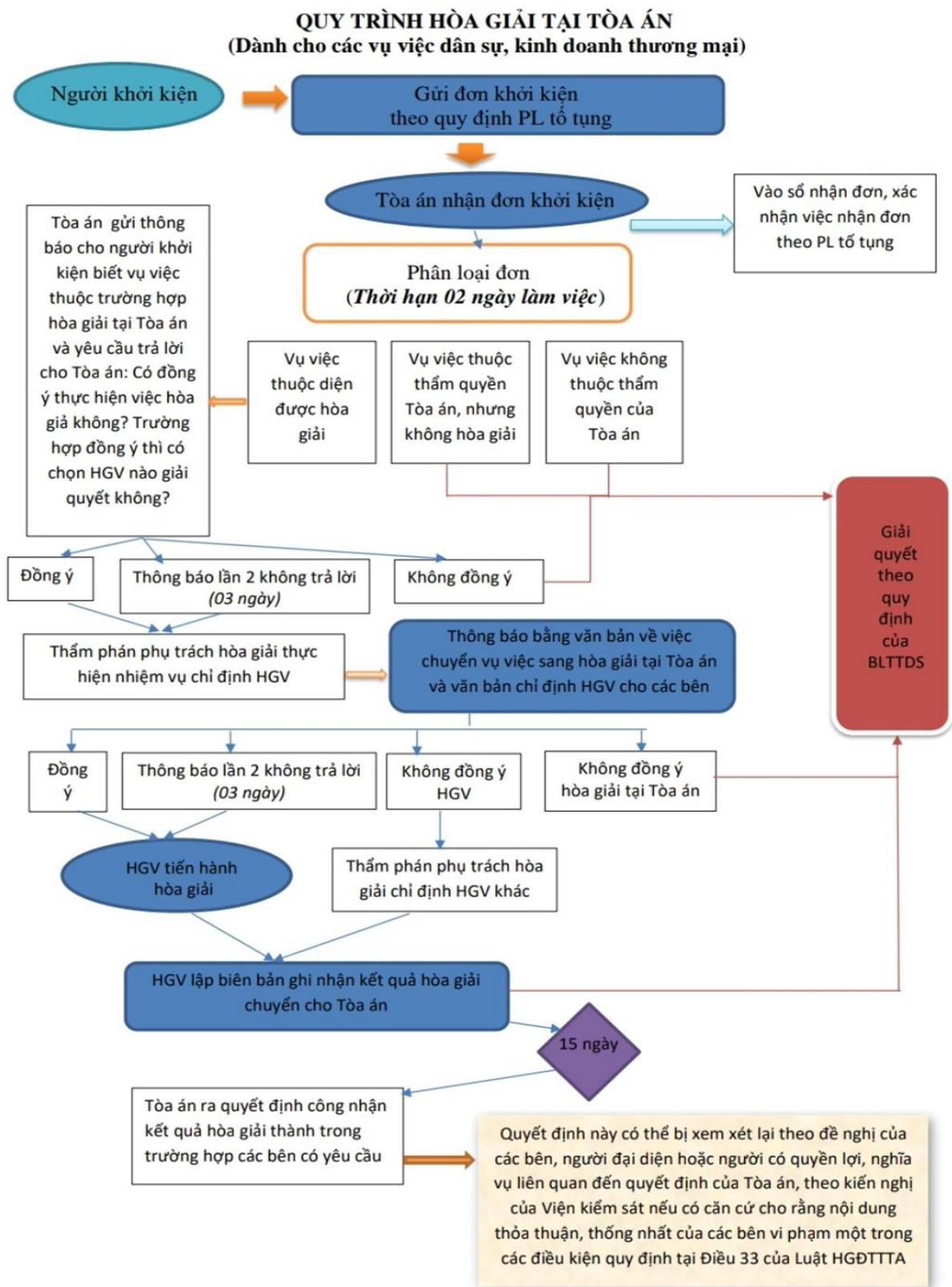
- Căn cứ chấm dứt hòa giải¹³
- Xử lý việc chấm dứt hòa giải tại Tòa án¹⁴
- Ngoài ra, khi tiến hành việc chuyển hồ sơ hoà giải cần xem xét các quy định tại Chỉ thị 02/2022/CT-CA

¹² Điều 30, Luật HGĐTTA.

¹³ Điều 40, Luật HGĐTTA

¹⁴ Điều 41, Luật HGĐTTA

Sau đây là sơ đồ tóm tắt quy trình của một vụ việc hoà giải tranh chấp kinh doanh thương mại tại toà án:



2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Ngày 16-6-2020, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án, Luật này chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021. Ngay sau khi Luật được Quốc hội thông qua, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, ban hành kèm theo Quyết định số 187/QĐ-TANDTC ngày 17/7/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định số 267/QĐ-TANDTC ngày 25/9/2020 về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Nhờ thực hiện các giải pháp hiệu quả, về cơ bản việc thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã được triển khai đồng bộ và đạt những kết quả đáng khích lệ.

Có thể khẳng định rằng, dù trong khoảng thời gian chưa dài, nhưng đã thấy rõ được sự quyết tâm, nghiêm túc của ngành Tòa án trong việc tuyên truyền, phổ biến Luật HGĐTTTA đến với người dân và các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức khác nhau: Ban hành Kế hoạch tuyên truyền; tổ chức Hội nghị triển khai thi hành Luật; tuyên truyền thông qua các đợt tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ Hòa giải viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án; phát hành cuốn thông tin khoa học xét xử và cuốn hỏi đáp về Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; đăng tải Luật, các văn bản quy định chi tiết và các văn bản triển khai thi hành Luật trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao; Báo Công lý phối hợp với Truyền hình Quốc hội tổ chức Tọa đàm về Luật, Tạp chí Tòa án nhân dân có mục “Diễn đàn Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án” để đăng tải các bài viết về công tác hòa giải, đối thoại tại Tòa án...

Một số kết quả trong hoạt động hòa giải tại Tòa án thời gian qua:

Tính đến hết tháng 9 năm 2021, đã có 63/63 Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thi hành Luật; chỉ có một số đơn vị Tòa án cấp tỉnh, huyện của các tỉnh, thành phố này chưa triển khai là: Thành phố Hà Nội (Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Quận Bắc Từ Liêm, Huyện Gia Lâm, huyện Thanh Trì), thành phố Hải Phòng (Huyện Dương Kinh, huyện đảo Bạch Long Vĩ), tỉnh Thanh Hóa (thành phố Sầm Sơn, các huyện Thiệu Hóa, Nga Sơn, Quan Hóa, Quan Sơn, Lang Chánh, Mường Lát, Triệu Sơn), tỉnh Tiền Giang (Tòa án nhân dân tỉnh và huyện Tân Phước), tỉnh Cà Mau (các huyện: Đầm Dơi, Năm Căn, U Minh). Nguyên nhân chưa triển khai là do: Trụ sở làm việc không đáp ứng được yêu cầu, đang tiến hành xây dựng trụ sở mới (Hà Nội), trụ sở đi thuê nên không bố trí được phòng hòa giải (Hải Phòng), chưa bổ nhiệm được Hòa giải viên do không nhận được hồ sơ của người có nguyện vọng (Thanh Hóa, Cà Mau, Tiền Giang).

Số lượng đơn khởi kiện, đơn yêu cầu mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện trên toàn quốc nhận được từ ngày 01-01-2021 đến ngày 30-9-2021 là 229.887 vụ việc. Số lượng vụ việc chuyển sang hòa giải, đối thoại tại Tòa án là 28.004 vụ việc (chiếm tỷ lệ 12,18% số lượng đơn khởi kiện, đơn yêu cầu mà Tòa

án nhận được). Số lượng vụ việc đã được hòa giải thành, đối thoại thành là 10.430 vụ việc (chiếm tỷ lệ 37,24 % số lượng vụ việc chuyển sang hòa giải, đối thoại). Số lượng vụ việc đã ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành là 8.682 vụ việc (chiếm tỷ lệ 83,24 % số lượng vụ việc hòa giải thành, đối thoại thành)¹⁵.

Cho đến nay, hiệu quả của công tác hòa giải tại Tòa án đã được nâng lên nhiều, nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng được mục tiêu. Như vậy, có nghĩa là, để việc hòa giải tại Tòa án đạt được hiệu suất và hiệu quả cao thì cần phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp để khắc phục những vướng mắc, bất cập đã và đang nảy sinh trong thực tiễn công tác; đặc biệt là việc tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp trong việc ưu tiên lựa chọn phương thức hòa giải tại Tòa án khi xảy ra tranh chấp.

2.2.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Trong báo cáo số 04/BC-TANNTC ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân tối cao về việc báo cáo tình hình triển khai thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã nêu rõ: Các Tòa án nhân dân đều xác định nhiệm vụ triển khai thi hành Luật là nhiệm vụ chính trị quan trọng của Tòa án và đã đề xuất với Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh, thành phố nội dung triển khai thi hành Luật. Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp nhiều tỉnh, thành phố đã bổ sung vào nhiệm vụ trọng tâm công tác, ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thi hành Luật và phân công nhiệm vụ đối với các thành viên Ban Chỉ đạo trong việc triển khai Luật. Một số Tòa án tỉnh, thành phố nhận được được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của tỉnh ủy, sự đồng tình, tạo điều kiện của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp của tỉnh. Nhiều Tòa án xây dựng kế hoạch để triển khai thi hành Luật đến Tòa án hai cấp, thành lập Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo triển khai thi hành Luật. Lãnh đạo Tòa án cấp tỉnh ban hành nhiều văn bản để triển khai thi hành Luật; chỉ đạo các đơn vị chuẩn bị cơ sở vật chất, kinh phí để triển khai thi hành theo kế hoạch của Tòa án nhân dân tối cao và chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác hòa giải, đối thoại tại Tòa án; thực hiện công tác tham mưu, thống kê, tổng hợp; thành lập đoàn kiểm tra các đơn vị thực hiện theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Như vậy, chỉ sau hơn một năm Luật HGĐTTA được Quốc hội thông qua đã đạt được kết quả đáng ghi nhận trong bước đầu của quá trình triển khai thi hành Luật vào thực tiễn.

Luật HGĐTTA có hiệu lực pháp luật, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, giải đáp nghiệp vụ được ban hành và triển khai kịp thời đến đội ngũ, cán bộ, công chức, Hòa giải viên đã tạo điều kiện cho việc triển khai và áp dụng Luật vào trong thực tiễn. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật HGĐTTA được tiến hành nghiêm túc, đúng hướng dẫn của TANDTC.

Về các biểu mẫu dùng trong quá trình hoà giải tại Tòa án:

Để thống nhất trong quá trình áp dụng, TANDTC đã ban hành Thông tư 02/2020/TT-TANDTC ngày 16-11-2020 quy định chi tiết về trách nhiệm của Tòa

¹⁵ Báo cáo số 04/BC-TANNTC ngày 06-01-2022 của TANDTC về báo cáo tình hình triển khai thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

án nhân dân trong hoạt động Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Công văn 235/TANDTC-PC về một số biểu mẫu về quyết định công nhận, không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành.

2.2.3. Những vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

2.2.3.1. Về Hoà giải viên

Số lượng Hoà giải viên chưa đầy đủ, không đồng đều về trình độ, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu hoà giải các tranh chấp kiên quan đến lĩnh vực kinh doanh, thương mại. Về kỹ năng hoà giải của một số Hoà giải viên còn hạn chế. Một số Hoà giải viên tuy đã được bổ nhiệm nhưng chưa được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ hoặc đã tập huấn nhưng kinh nghiệm, kỹ năng còn hạn chế nhất là các vụ việc tranh chấp dân sự, kinh doanh, thương mại phức tạp, việc xem xét tài liệu, chứng cứ về tranh chấp đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của Thẩm phán, Thư ký Tòa án.

2.2.3.2. Về cơ sở vật chất phục vụ công tác hòa giải tại Tòa án

Cơ sở vật chất cho công tác hòa giải tại Tòa án cơ bản chưa được đảm bảo. Đa số các Tòa án chỉ bố trí được một phòng vừa là phòng hòa giải, vừa là phòng làm việc của Hoà giải viên. Phòng hòa giải hầu hết được trưng dụng từ phòng họp, phòng tiếp dân, phòng xét xử, phòng bảo vệ; diện tích phòng hòa giải nhỏ, không đúng tiêu chuẩn theo quy định, trang thiết bị như máy tính, máy in, máy phô tô, bàn ghế, tủ đựng tài liệu đều thiếu hoặc được tận dụng từ những trang thiết bị sẵn có của đơn vị. Đồng thời, chưa có hướng dẫn cụ thể về kinh phí đảm bảo cho việc lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho phòng hòa giải và phòng làm việc của Hoà giải viên.

2.2.3.3. Về sự hỗ trợ của Thẩm phán, Thư ký Tòa án đối với công tác hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Các Hoà giải viên hầu hết đều lớn tuổi nên các công việc hỗ trợ liên quan đến hòa giải, đối thoại tại Tòa án chủ yếu vẫn do cán bộ Tòa án đảm nhiệm; cán bộ Tòa án phải trao đổi các quy định của pháp luật liên quan đến vụ việc để các Hoà giải viên nắm được, từ đó đưa hướng hòa giải phù hợp; hầu hết các Hoà giải viên không biết sử dụng máy tính nên khi hòa giải, đối thoại họ chỉ ngồi phân tích, trao đổi với các đương sự, còn việc soạn thảo các văn bản vẫn do cán bộ Tòa án đảm nhiệm.

2.2.3.4. Về xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại

Giai đoạn tiền hòa giải là giai đoạn đặc biệt quan trọng, giai đoạn này có nhiệm vụ xác định thẩm quyền giải quyết, phạm vi giải quyết và đặc biệt lựa chọn phương thức pháp luật điều chỉnh theo Luật HGĐTTTA hay BLTTDS để giải quyết. Mặc dù hai phương thức pháp luật này không xung đột nhưng thực tiễn thi hành sẽ dẫn đến những cách hiểu khác nhau.

2.2.3.5. Về vấn đề gửi tài liệu, chứng cứ cho các bên khi khởi kiện các tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTTA.

Điều 16, Điều 21, Điều 22 Luật HGĐTTTA và các văn bản hướng dẫn thi hành, chưa quy định nghĩa vụ về đương sự phải sao gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự khác hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự khác.

2.2.3.6. Về thời hạn hòa giải các tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTTA

Hiện nay Luật HGĐTTTA không có quy định và chế tài về việc đương sự không bổ sung tài liệu, chứng cứ nếu Thẩm phán yêu cầu. Mặt khác, đối với trường hợp Tòa án cần xem xét hiện trạng tài sản liên quan đến tranh chấp KDTM, thì thời hạn để giải quyết theo trình tự, thủ tục đúng thời hạn theo Luật HGĐTTTA cũng khó khăn cho Tòa án. Bởi lẽ, việc xem xét hiện trạng tài sản như bất động sản thì HGV cần phải mời các bên tham gia và phải mời các cơ quan quản lý về bất động sản (Cơ quan Quản lý đất đai, Tài nguyên Môi trường...) nên thời hạn hòa giải theo Luật HGĐTTTA sẽ không đúng thời hạn.

2.2.3.7. Về các biểu mẫu quy định trong hoạt động hoà giải tại Toà án

Hiện nay, thông qua các tham luận khoa học của các Tòa án các cấp và thực tế hoạt động của các hoà giải viên ở địa phương còn khó khăn trong việc thực hiện gửi Giấy mời và Thông báo cho các bên liên quan theo biểu mẫu số 08-HG, 09-HG, 10-HG¹⁶.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI THEO LUẬT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Thứ nhất, phát triển phương thức hòa giải như là một phương thức được lựa chọn tối ưu khi xảy ra tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án.

Thứ hai, tạo ra sự công bằng trong hòa giải.

Thứ ba, bảo đảm HGV không chỉ có kiến thức và kinh nghiệm về thủ tục hòa giải, mà còn là một người thành thạo trong nội dung của tranh chấp giữa các bên.

Thứ tư, để đảm bảo hòa giải trở thành phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại thay thế đáng tin cậy đó chính là việc chấp nhận và thực hiện những kết quả trong quá trình thương thuyết.

Thứ năm, cũng là yếu tố quan trọng nhất để hòa giải trở thành một công cụ hữu hiệu đó chính là việc thừa nhận về mặt pháp lý kết quả của hòa giải và khuyến khích sử dụng việc hòa giải

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

¹⁶ Xem Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC ngày 16-11-2020.

Thứ nhất, Xây dựng hệ thống Sổ nghiệp vụ, biểu mẫu thống kê, phần mềm quản lý hoạt động hoà giải tại Tòa án liên thông với các phần mềm trong hoạt động hoà giải tại Tòa án.

Thứ hai, cần quy định về nghĩa vụ khi đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thì họ phải sao gửi tài liệu, chứng cứ đó cho đương sự khác hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự khác trong Luật HGĐTTTA, nhằm đảm bảo quyền tiếp cận tài liệu, chứng cứ, cũng như hiệu quả của các bên đương sự khi HGV tiến hành hòa giải các tranh chấp KDTM.

Thứ ba, cần hướng dẫn về thời hạn hòa giải các tranh chấp KDTM theo Luật HGĐTTTA trong trường hợp cần xem xét hiện trạng tài sản trước khi lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải; theo hướng gia hạn thời hạn hòa giải trong trường hợp Tòa án chờ kết quả xem xét hiện trạng tài sản. Bởi lẽ, kết quả giải quyết xem xét hiện trạng tài sản còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau.

Thứ tư, cần quy định về trường hợp các bên thỏa thuận, thống nhất được một phần tranh chấp, khiếu kiện có phải chuyển Quyết định công nhận kết quả hòa giải, đối thoại này cho Cơ quan thi hành án dân sự để thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, pháp luật về tổ tụng hành chính theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 35 Luật HGĐTTTA hay không? Và Luật HGĐTTTA cần quy định rõ về trường hợp Quyết định công nhận kết quả hòa giải, đối thoại thành được một phần tranh chấp, khiếu kiện bị hủy theo trình tự, thủ tục giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật HGĐTTTA, thì Quyết định này sẽ giải quyết như thế nào?

Thứ năm, không thu phí hoà giải tại Tòa án và đề nghị xem xét những trường hợp vụ việc dân sự có giá trị hàng hoá hoặc tiền từ 100 triệu đồng trở lên nên có thu một khoản phí để bù đắp chi phí cho công tác hoà giải; bởi vì có những vụ không chỉ hoà giải, đối thoại một lần mà có thể nhiều lần, chi phí cho hoà giải viên, chi phí cho mỗi lần hoà giải tại khắp các Tòa án trong cả nước, ngân sách Nhà nước bỏ ra số tiền tương đối lớn. Do đó nên cần thu phí để bù đắp, mặt khác có thu phí để cho mọi đối tượng tác động cân nhắc việc có gửi đơn hay không gửi đơn hoà giải hoặc áp dụng các hình thức khác cho phù hợp.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hòa giải các tranh chấp kinh doanh thương mại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu các mô hình về hòa giải gắn với Tòa án của các nước trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm, cũng như đúc kết kinh nghiệm hòa giải trong thực tiễn thi hành để hoàn thiện pháp luật về Luật HGĐTTTA.

Thứ hai, tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi, chia sẻ với các nước trên thế giới cũng như trong khu vực, nhất là nước có nhiều kinh nghiệm và thành công trong việc thực hiện hòa giải tại Tòa án để tổ chức các buổi trao đổi, tọa đàm học tập kinh nghiệm nhằm giúp cho hoạt động hòa giải tại Tòa án đạt được hiệu quả cao hơn trong thực tiễn thi hành.

Thứ ba, cần tuyên truyền, phổ biến luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, hoạt động triển khai luật trên các phương tiện thông tin đại chúng cho người dân biết và nắm rõ những quy định của Luật.

Thứ tư, tổ chức tập huấn bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải các tranh chấp KDTM cho Thẩm phán, HGV.

Thứ năm, tạo cơ chế HGV độc lập khi tiến hành hòa giải .

Thứ sáu, các Trung tâm hòa giải gắn với Tòa án là xu hướng chung của các quốc gia.

Thứ bảy, đối với việc tuyển chọn HGV.

Thứ tám, các chế độ đãi ngộ đối với HGV cần được xem xét kỹ lưỡng và phải thật sự thỏa đáng.

KẾT LUẬN

Quá trình phát triển đất nước cũng như kinh nghiệm quốc tế cho thấy, hòa giải đóng vai trò đặc biệt quan trọng khi giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn phát sinh trong xã hội nói chung và trong kinh doanh thương mại nói riêng. Với cách thức thân thiện, đồng thuận trên nguyên tắc chia sẻ, cảm thông, phương thức giải quyết tranh chấp KDTM thông qua hòa giải tại Tòa án góp phần hàn gắn những mâu thuẫn, rạn nứt, nâng cao ý thức pháp luật của người dân, ngăn ngừa các tranh chấp trong tương lai, tạo sự đồng thuận, xây dựng khối đoàn kết trong nhân dân, góp phần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế đất nước.

Từ thực tiễn áp dụng giải quyết các tranh chấp KDTM theo Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án và tiếp thu kinh nghiệm về hòa giải của nhiều nước trên thế giới cho thấy cơ chế hòa giải gắn với Tòa án đã huy động nguồn lực có kiến thức, kinh nghiệm của xã hội tham gia, từ đó giúp cho việc hòa giải sẽ có hiệu quả hơn. Tóm lại, trong tiến trình phát triển của lịch sử xã hội không thể tránh khỏi các tranh chấp mâu thuẫn xảy ra; điều quan trọng là các bên hướng đến là giải quyết được mâu thuẫn đó trong tâm thế thân thiện, ôn hoà. Luật HGĐTTTA ra đời cũng với mong muốn như thế với mục đích cuối cùng vẫn là chung tay xây dựng một thế giới hoà bình, hạnh phúc hơn./.